

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;
Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Mai R, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Hữu T, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng).

Hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 1, xã H, huyện N, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn chị Hồ Mai R trình bày yêu cầu:

Chị R và anh Trần Hữu T tìm hiểu và thành hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường tụ tập bạn bè ăn chơi, nhậu nhẹt và

về nhà kiểm có đánh đập chị tàn nhẫn, chị cũng không biết lý do mình bị đánh. Từ tháng 02 năm 2018 chị đưa con về nhà mẹ ruột sinh sống, đồng thời để cho anh T xem xét lại thiếu sót của mình, nhưng đến nay vẫn chưa có tiếng nói chung. Do không có tiếng nói chung, sống bị áp lực về tâm lý nên hôn nhân không có hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con tên Trần Hoàng Nh, sinh ngày 14/10/2011 (nam), hiện cháu sống chung với chị R; sau khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ khai ngày 22/10/2020, bị đơn anh Trần Hữu T trình bày:

Anh T và chị Hồ Mai R có đăng ký vào năm 2010 tại UBND xã H, do mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống nên anh chị sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nếu duy trì cũng không mang lại hạnh phúc nên anh T đồng ý ly hôn với chị R.

Con chung có 01 người tên Trần Hoàng Nh, sinh ngày 14/10/2011 (nam), hiện cháu sống chung với chị R; khi ly hôn đồng ý để chị R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng, đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật nếu chị R có yêu cầu.

Về tài sản và nợ: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Hồ Mai R, bị đơn anh Trần Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Mai R và anh Trần Hữu T thành hôn vào năm 2010, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau theo trích lục kết hôn số 05/TLKH-BS ngày 01/4/2016 thể hiện anh chị có đăng ký kết hôn số: 48 ngày 15 tháng 8 năm 2010 tại UBND xã H, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo trình bày của chị R, trong thời gian sống chung anh chị có những bất hòa không hàn gắn được, dẫn đến mất hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu anh T không chăm lo cho gia đình, tụ tập bạn bè ăn chơi, nhậu nhẹt và về còn đánh đập chị, nên vợ chồng không hòa hợp kéo dài từ tháng 02 năm 2018 đến nay, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng, duy trì không hạnh phúc chị R xin ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn xảy ra nhiều năm nay anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn, kéo dài làm cho mâu thuẫn anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng dẫn đến mất hạnh phúc, chị R yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của anh chị đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hai đương sự thống nhất ly hôn, nhưng do anh chị có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị mà xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R, cho hai đương sự ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận có 01 cháu tên Trần Hoàng Nh, sinh ngày 14/10/2011 (nam), từ khi anh chị sống ly thân cháu Nhân sống chung với chị R. Hai đương sự thỏa thuận giao cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Nh, cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu Nh cho chị R trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị R yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đến khi con trưởng thành, anh T đồng ý.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì: *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.* Vì vậy, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Mức cấp dưỡng: Chị R yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không thấp hơn $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, hiện nay lương cơ sở 1.490.000 đồng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh T chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm cấp dưỡng, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn*

yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đố”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị R phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp; án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch anh T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Mai R về việc xin ly hôn với anh Trần Hữu T.

Chị Hồ Mai R được ly hôn với anh Trần Hữu T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Nh, sinh ngày 14/10/2011 (nam) cho chị Hồ Mai R tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Hữu T cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng, đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh T chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm cấp dưỡng, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng chị R phải chịu, chị R có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007395 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí chị R nộp đủ.

Án phí cấp dưỡng định kỳ anh T phải chịu 300.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- UBND xã H, huyện N
(CQ thực hiện đăng ký kết hôn);
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính